

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/02/2022
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Hồng Thẩm
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng E, sinh năm 1982 (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ 02, ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Phước H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 12/4/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Hồng E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống bên gia đình bên chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ gần 1 năm, lúc đó bà đang mang thai thì ông H bỏ nhà đi nơi khác, không quan tâm tới vợ con, mỗi người sống mỗi nơi không ai gặp ai cả. Đến khi sinh con thì bà mới trở về nhà mẹ ruột ở, giữa bà và ông H đã ly thân từ gian đó đến nay. Trước đây cả hai

cũng thống nhất ly hôn nhưng do không rành về pháp luật nên ông bà chỉ đến Ban áp viết Giấy tay đồng ý ly hôn.

Nay nhận thấy đời sống chung giữa bà và ông H không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Phước H theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 11/06/2003, đã sống với bà từ lúc sinh ra đến nay. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Lê Phước H: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồng E.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: CMND + Hộ khẩu của bà Hồng E (Bản sao); Giấy chứng nhận ĐKKH (Bản sao); Giấy khai sinh con chung (Bản sao); Bản tự khai;

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không lấy được lời khai của ông H và Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà Hồng E và ông H ngày 01/12/2021.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà Hồng E được ly hôn với ông H; Về con chung: Bà Hồng E được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Nhật H, sinh ngày 11/6/2003, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Hồng E không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà Hồng E xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồng E phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hồng E có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Lê Phước H có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn – Ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Hồng E và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Về quan hệ hôn nhân giữa bà Hồng E và ông H: Sau khi kết hôn ông bà chỉ sống chung được một thời gian ngắn khoảng một năm thì ông H đã tự ý bỏ đi, không quan tâm đến vợ con và cả hai đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Trong quá trình ly thân cả hai không ai hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên cũng đã từng đến Ban áp viết Giấy tay đồng ý ly hôn với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H theo quy định pháp luật.

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Hồng E với ông H ngày 01/12/2021 (Bút lục 34), Bà Nguyễn Thị T trình bày: Giữa bà Hồng E và ông H sau khi cưới nhau về sống chung có 01 đứa con rồi vợ chồng không hợp nhau nên bỏ nhau. Do ông H đã có một đời vợ trước, sau khi thôi nhau đi cưới bà Hồng E, đến khi cả hai lục đục thì ông H trở về sống với vợ trước, giữa ông H và bà Hồng E đã không sống chung hơn 10 năm nay. Việc bà Hồng khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông H có biết. Tuy nhiên, do điều kiện ông H đang đi làm ở xa nên không thể đến Tòa để làm việc theo các Thông báo nên để bà Hồng E tự giải quyết thủ tục ly hôn, ông không có ý kiến.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà Hồng E và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồng E, bà Hồng E được ly hôn với ông H.

2.2 Về con chung: Giữa giữa bà Hồng E và ông H có 01 con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 11/06/2003, đã sống với bà Hồng E từ lúc sinh ra đến nay. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ lúc bà Hồng E và ông H ly thân đến nay, cháu H do bà Hồng E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh theo Tờ ghi ý kiến của con của cháu H thể hiện có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu H cho bà Hồng E được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Hồng E phải tạo điều kiện cho ông H trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Hồng E không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà Hồng E xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Hồng E là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Hồng E và ông H có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng E được ly hôn với ông Lê Phước H

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 26 tháng 6 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Lê Nhật H sinh ngày 11/6/2003 cho bà Nguyễn Thị Hồng E được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bà Hồng E phải tạo điều kiện cho ông H trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Hồng E không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng E phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007300 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Hồng E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2022)

Ông Lê Phước H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện; Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh